TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21- 5 -2019.
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Hiệp

2. Ông Đinh Hữu Cải

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Bích Du - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 731/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:16/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Ngọc G**, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: Tổ 10, ấp TX, xã TH, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Hữu T**, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú: Tổ 10, ấp TX, xã TH, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 12 năm 2018, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc G trình bày:

Chị và anh Nguyễn Hữu T sống chung với nhau vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh năm 2005. Việc chị và anh Trung sống chung với nhau là tự nguyện, không ai ép buộc. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây phát sinh nhiều mâu thuẫn không còn hạnh phúc nữa; nguyên nhân mâu thuẫn do anh T không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu, đánh đập chị.

Hiện tại, chị và anh Trung đã sống ly thân. Nay, về hôn nhân chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 03 người con chung tên Nguyễn Trung T1, sinh ngày 29/8/2004; Nguyễn Trung T2, sinh ngày 28/4/2008 và Nguyễn Trung T3, sinh ngày 24/5/2014. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 01 tháng 4 năm 2019, bị đơn anh Nguyễn Hữu T trình bày:

Chị Giàu trình bày về thời gian sống chung và đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng, anh không có ý kiến trình bày bổ sung. Về mâu thuẫn trong hôn nhân, theo anh không có mâu thuẫn gì lớn về hôn nhân.

Chị G yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý vì vẫn còn tình cảm với chị G và vì thương con.

Nếu Tòa án giải quyết cho anh và chị G ly hôn, về con chung anh thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của chị G, anh đồng ý để chị G trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung là cháu Nguyễn Trung T1, sinh ngày 29/8/2004; Nguyễn Trung T2, sinh ngày 28/4/2008 và Nguyễn Trung T3, sinh ngày 24/5/2014, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thời hạn thụ lý, giải quyết vụ án; việc cấp tống đạt văn bản pháp luật và việc tuân thủ quy định pháp luật của người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị Ngọc G là nguyên đơn, anh Nguyễn Hữu T là bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị G, anh T là có căn cứ, đúng pháp luật.

- Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc G đối với anh Nguyễn Hữu T.

Về nuôi con chung: Giao 03 cháu Nguyễn Trung T1, sinh ngày 29/8/2004; Nguyễn Trung T2, sinh ngày 28/4/2008 và Nguyễn Trung T3, sinh ngày 24/5/2014

cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận chị G không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc G và anh Nguyễn Hữu T không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc G phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Ngọc G là nguyên đơn, anh Nguyễn Hữu T là bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị G, anh T.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc G và anh Nguyễn Hữu T chung sống với nhau từ năm 2003, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh vào ngày 06 tháng 9 năm 2005, Giấy đăng ký kết hôn số 81, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị G, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình chung sống, giữa chị G và anh T phát sinh mâu thuẫn, mà nguyên nhân mâu thuẫn là về lối sống, nhưng anh T không thừa nhận. Anh T cho rằng anh và chị G không có mâu thuẫn gì trầm trọng, anh vẫn còn tình cảm với chị Giàu nên không đồng ý ly hôn. Căn cứ vào các biên bản xác minh ngày 09 tháng 4 và ngày 17 tháng 4 năm 2019 (tại các bút lục số 23,24,25) tại địa phương thấy rằng mâu thuẫn hôn nhân giữa chị G và anh T là do anh T uống rượu, gây gỗ và xô xác với chị G, hiện tại mục đích của hôn nhân của anh chị không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị G đối với anh T là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận, cho chị G được ly hôn với anh T.

[4] Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc G và anh Nguyễn Hữu T có 03 con chung tên Nguyễn Trung T1, sinh ngày 29/8/2004; Nguyễn Trung T2, sinh ngày 28/4/2008 và Nguyễn Trung T3, sinh ngày 24/5/2014. Chị G yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T đồng ý để chị G trực tiếp nuôi 03 cháu T1, T2, T3 nếu Tòa án quyết định cho chị G ly hôn với anh, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị G và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc G phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1.Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc G đối với anh Nguyễn Hữu T.

2. Về nuôi con chung: Giao 03 con chung Nguyễn Trung T1, sinh ngày 29/8/2004; Nguyễn Trung T2, sinh ngày 28/4/2008 và Nguyễn Trung T3, sinh ngày 24/5/2014 cho chị Nguyễn Thị Ngọc G trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận chị G không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được quyền cản trở.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị Nguyễn Thị Ngọc G và anh Nguyễn Hữu T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc G phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà chị G đã nộp theo biên lai thu số 0026236 ngày 10/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị G đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Ngọc G và anh Nguyễn Hữu T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Tân Châu;
- THA-DS H.Tân Châu;
- UBND xã TP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Thị Xuân Lan